

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

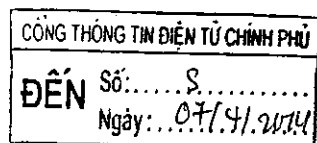
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12 /2014/QĐ-UBND

An Giang, ngày 31 tháng 3 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn tỉnh An Giang**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức thu phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô là khoản thu vào chủ phương tiện có nhu cầu trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô tại các điểm, bãi trông giữ xe trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Người sử dụng xe đạp, xe máy, xe ô tô có nhu cầu trông giữ xe tại các điểm, bãi trông giữ xe trên địa bàn tỉnh An Giang là đối tượng nộp phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô.

Điều 3. Thời gian trông giữ xe

1. Thời gian ban ngày: từ 05 giờ đến 22 giờ.
2. Thời gian ban đêm: từ sau 22 giờ đến trước 05 giờ sáng hôm sau.

Điều 4. Mức thu phí

1. Mức thu phí ban ngày tại các điểm, bãi trông giữ xe:

- a) Xe đạp, xe đạp điện: 1.000 đồng/lượt.
- b) Xe máy: 2.000 đồng/lượt.
- c) Xe ô tô dưới 12 ghế ngồi, ô tô tải có trọng tải dưới 01 tấn: 5.000 đồng/lượt.
- d) Xe ô tô từ 12 đến 30 ghế ngồi, ô tô tải có trọng tải từ 01 tấn đến dưới 05 tấn: 10.000 đồng/lượt.
- đ) Xe ô tô trên 30 ghế ngồi, ô tô tải có trọng tải trên 05 tấn: 20.000 đồng/lượt.

Đối với các điểm, bãi trông giữ xe đạp, xe đạp điện và xe máy ở các trường học thì mức thu bằng 50% mức thu nêu trên.

2. Đối với việc trông giữ xe ban đêm thì có thể áp dụng mức thu cao hơn nhưng tối đa không quá hai lần mức thu phí ban ngày. Trường hợp trông giữ xe cả ngày và đêm thì mức thu phí tối đa bằng mức thu phí ban ngày cộng với mức thu phí ban đêm.

3. Mức thu phí theo tháng tối đa không quá năm mươi (50) lần mức thu phí ban ngày.

4. Đối với việc trông giữ xe tại các địa điểm danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa mà khách tham quan thường có nhu cầu gửi xe nhiều giờ, thực hiện công việc trông giữ khó khăn thì có thể áp dụng mức thu cao hơn nhưng tối đa không quá hai lần mức thu phí quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 5. Quản lý, sử dụng tiền phí

Việc quản lý và sử dụng tiền phí thu được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí; Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí và các văn bản có liên quan.

Điều 6. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc trông giữ xe

1. Địa điểm tổ chức trông giữ xe phải đúng với địa điểm được cơ quan có thẩm quyền cho phép, không vi phạm hành lang lộ giới và đảm bảo an toàn, trật tự.

2. Niêm yết hoặc thông báo công khai tại địa điểm thu phí về tên phí, mức thu phí, phương thức thu và cơ quan quy định thu.

3. Khi thu tiền phí phải cấp chứng từ thu phí cho đối tượng nộp phí theo quy định và thu đúng theo mức thu phí đã niêm yết.

4. Nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thuế hoặc phí và lệ phí (nếu có) vào ngân sách nhà nước theo quy định.

5. Chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định cho chủ xe gửi tại địa điểm trông giữ xe nếu xảy ra trường hợp mất mát, hư hỏng.

Điều 7. Trách nhiệm của các Sở ngành và địa phương

1. Sở Tài chính, Cục Thuế, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố theo chức năng và nhiệm vụ, chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra việc thực hiện thu phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô của các tổ chức, cá nhân trông giữ xe trên địa bàn tỉnh; xử lý theo quy định tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn đối với các trường hợp vi phạm.

2. Cơ quan thuế hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trông giữ xe trong việc sử dụng chứng từ thu phí; hướng dẫn việc kê khai nộp các khoản thuế hoặc phí và lệ phí (nếu có) vào ngân sách nhà nước theo quy định; đồng thời phối hợp với chính quyền địa phương các cấp thường xuyên kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật của các tổ chức, cá nhân thu phí.

Điều 8. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 13/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành khung, mức thu phí trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô.

Điều 9. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (b/c);
- Website Chính phủ, Cục Kiểm tra VB (Bộ Tư pháp);
- TT. TU, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các Sở, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- Báo, Đài PTTH, Website An Giang;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Lưu: HCTC, P. TH, TT. Công báo - Tin học.



Huỳnh Thế Năng